

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 2009/UBND ngày 20/10/2026 của UBND phường Đức Phổ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
	TỔNG CỘNG	-	-	-	-	-					4.289,329	2.624,820	1.664,509	
I	TRƯỜNG THCS ĐỨC PHỐ	67	61	517,189	8,95	2,45	49,38	-	6,97	-	898,324	551,494	346,830	
	Bậc Tiểu học			87,830	0,95	0,73	8,95				128,550	80,309	48,241	
1	Trà Thị Kim Cúc			5,36	0,35		0,57				8,017	5,105	2,912	T7 chuyển
2	Trà Ngọc Oanh			5,02			0,50				4,699	2,992	1,707	T9 chuyển
	Trà Ngọc Oanh			5,36			0,54				5,221	3,195	2,026	
3	Phạm Thị Thư Dung			4,89		0,34	0,52				7,346	4,678	2,668	T9 chuyển
	Phạm Thị Thư Dung			4,89		0,39	0,53				2,672	1,574	1,098	
4	Phạm Thị Kiều Lam			4,98			0,50				9,512	5,936	3,576	T9 chuyển
5	Nguyễn T Thúy Hằng			4,65	0,2		0,49				9,264	5,781	3,482	T9 chuyển
6	Nguyễn Thị Hồng Lý			4,98			0,50				9,512	5,936	3,576	T9 chuyển
7	Phạm Thị Lưu			5,02			0,50				9,588	5,984	3,604	T9 chuyển
8	Nguyễn Thị Thu			4,68	0,2		0,49				9,321	5,817	3,504	T9 chuyển
8	Nguyễn Thị Hoài Vinh			3,33			0,33				6,360	3,969	2,391	T9 chuyển
10	Võ Thị Thúy Hằng			3,33			0,33				3,896	2,481	1,415	T9 chuyển
	Võ Thị Thúy Hằng			3,66			0,37				2,708	1,636	1,072	
11	Cao Thị Thu Hiền			2,67			0,27				5,100	3,183	1,917	T9 chuyển
12	Võ Thị Mỹ Lợi			2,67			0,27				5,100	3,183	1,917	T9 chuyển
13	Huỳnh Thị Phượng			4,34			0,43				8,289	5,173	3,116	T9 chuyển
14	Lê Thị Quỳnh Uyên			4,00			0,40				4,680	2,980	1,700	T9 chuyển
15	Lê Thị Quỳnh Uyên			4,34			0,43				3,212	1,940	1,272	
16	Mai Thị Thu Thủy			4,65	0,2		0,49				9,264	5,781	3,482	T9 chuyển
17	Nguyễn Mậu Hoài Thương			2,34			0,23				2,190	1,395	0,796	T9 chuyển
	Nguyễn Mậu Hoài Thương			2,67			0,27				2,601	1,591	1,009	T9 chuyển
	Bậc THCS			429,36	8,00	1,72	40,43		6,97		769,774	471,185	298,589	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
18	Nguyễn Đức Hoanh			4,34	0,45		0,48				11,573	7,137	4,436	
	Nguyễn Đức Hoanh			4,68	0,45		0,51				2,596	1,529	1,067	
19	Huỳnh Ngọc Tuấn			3,66	0,35		0,40				7,659	4,780	2,879	T9 chuyển
20	Nguyễn Thị Hiếu			5,36	0,2		0,56				16,246	9,941	6,305	
21	Thái Thị Oanh			4,68			0,47				12,491	7,671	4,820	
	Thái Thị Oanh			5,02			0,50				1,270	0,748	0,522	
22	Bùi Văn Cư			4,65			0,47				13,587	8,314	5,273	
23	Nguyễn Thị Thanh Bình			4,68			0,47				13,675	8,368	5,307	
24	Lữ Thị Mỹ Hạnh			4,68			0,47				8,939	5,579	3,360	
	Lữ Thị Mỹ Hạnh			5,02			0,50				5,080	2,992	2,088	
25	Lê Võ Duy Tùng			3,99	0,2		0,42				9,063	5,619	3,444	
	Lê Võ Duy Tùng			4,32	0,2		0,45				3,431	2,020	1,410	
26	Nguyễn Thị Ngọc Huệ			3,03	0,15		0,32				8,487	5,212	3,275	
	Nguyễn Thị Ngọc Huệ			3,34	0,15		0,35				1,148	0,520	0,628	
27	Đỗ Anh Tuấn			3,66			0,37				7,917	4,908	3,009	
	Đỗ Anh Tuấn			3,99			0,40				3,028	1,784	1,245	
28	Đỗ Như Khánh			3,33			0,33				9,730	5,954	3,776	
29	Hoàng Lan Phương			3,66	0,15		0,38				7,277	4,542	2,736	
	Hoàng Lan Phương			3,66			0,37				3,704	2,181	1,523	
30	Nguyễn Thị Ngọc Hà			2,67			0,27				7,802	4,774	3,028	
31	Trương Thị Hoa			2,34			0,23				2,190	1,395	0,796	
	Trương Thị Hoa			2,67			0,27				5,303	3,183	2,120	
32	Nguyễn Thị Thúy Kiều			2,34			0,23				3,285	2,092	1,193	T7 chuyển
33	Nguyễn Thị Phương Thảo			2,67			0,27				7,802	4,774	3,028	
34	Huỳnh Tấn Bi			2,34			0,23				6,837	4,184	2,654	
35	Lê Hoàng Linh			4,68	0,45		0,51				6,002	3,822	2,180	
	Lê Hoàng Linh			5,02	0,45		0,55				9,583	5,705	3,878	
36	Huỳnh T.Phương Liên			5,02			0,50				14,668	8,976	5,693	
37	Đoàn Thanh Lai			5,02			0,50				14,668	8,976	5,693	
38	Trương Thị Chung			4,34			0,43				12,681	7,760	4,922	
	Lê Thị Vân Anh			4,65			0,47				13,587	8,314	5,273	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
39	Lê Thị Minh Hạnh			4,32			0,43				12,623	7,724	4,899	
40	Lê Thị Phương Linh			4,34	0,20		0,45				6,374	4,059	2,315	
	Lê Thị Phương Linh			4,34			0,43				2,196	1,293	0,903	
	Lê Thị Phương Linh			4,34	0,20		0,45				4,594	2,706	1,889	
41	Lê Thị Thu Cẩm			4,34			0,43				12,681	7,760	4,922	
42	Huỳnh Thị Ngọc Lan			3,66			0,37				4,710	2,999	1,711	
	Huỳnh Thị Ngọc Lan			3,99			0,40				6,524	3,864	2,659	
43	Trần Thị Tâm			3,33			0,33				9,730	5,954	3,776	
44	Lê Thị Thanh Nga			3,00			0,30				8,766	5,364	3,402	
45	Đinh Thị Bảo Yên			3,00			0,30				8,766	5,364	3,402	
46	Nguyễn Thanh Hằng			2,34			0,23				2,190	1,395	0,796	
	Nguyễn Thanh Hằng			2,67			0,27				5,303	3,183	2,120	
47	Phạm Thị Mỹ Hà			2,34			0,23				2,190	1,395	0,796	
	Phạm Thị Mỹ Hà			2,67			0,27				5,303	3,183	2,120	
48	Trần Quốc Trịnh			2,34	0,15		0,25				2,331	1,484	0,847	
	Trần Quốc Trịnh			2,67	0,15		0,28				1,320	0,840	0,479	
	Trần Quốc Trịnh			2,67			0,27				0,676	0,398	0,278	T8 chuyển
49	Nguyễn Tin			3,00			0,30				8,766	5,364	3,402	
50	Lê Thị Thanh Thảo			1,99			0,20				0,931	0,593	0,338	
	Lê Thị Thanh Thảo			2,34			0,23				3,374	2,092	1,282	
	Lê Thị Thanh Thảo			2,34	0,15		0,25				2,520	1,484	1,036	
51	Phạm Thị Ngọc Thiện			2,34			0,23				2,960	1,743	1,217	T8 đến
52	Nguyễn Thị Xuân Nương			3,34					0,67		12,759	7,963	4,796	T9 chuyển
53	Võ Thị Phương Thảo			2,06					0,41		0,964	0,614	0,350	
	Võ Thị Phương Thảo			2,26					0,45		12,150	7,408	4,741	
54	Nguyễn Thị Thuý Hằng			3,99	0,2				0,84		9,805	6,243	3,562	
	Nguyễn Thị Thuý Hằng			3,99					0,80		5,905	3,567	2,338	
	Nguyễn Thị Thuý Hằng			3,99	0,2				0,84		8,481	4,994	3,486	
55	Nguyễn Tấn Dũng			5,70	0,20		0,59				11,269	7,033	4,236	
	Nguyễn Tấn Dũng			5,70	0,15		0,59				4,440	2,615	1,825	
	Nguyễn Tấn Dũng			6,04	0,15		0,62				1,566	0,922	0,644	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
56	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh			5,36			0,54				15,662	9,584	6,078	
57	Nguyễn Thị Nga			4,89		0,29	0,52				11,212	6,951	4,261	
	Nguyễn Thị Nga			4,89		0,34	0,52				3,971	2,339	1,632	
58	Đỗ Tiến Ánh			4,98		0,25	0,52				8,664	5,454	3,211	
	Đỗ Tiến Ánh			4,98		0,30	0,53				6,678	3,933	2,745	
59	Hoàng Yên			4,89	0,20	0,24	0,53				11,539	7,154	4,385	
	Hoàng Yên			4,89	0,20	0,29	0,54				4,086	2,406	1,680	
60	Hồ Thanh Hùng			5,36	0,45		0,58				8,157	5,194	2,963	
	Hồ Thanh Hùng			5,36	0,35		0,57				8,668	5,105	3,563	
61	Trần Thị Thuỳ			4,00			0,40				10,676	6,556	4,120	
	Trần Thị Thuỳ			4,34			0,43				1,098	0,647	0,451	
62	Huỳnh Thị Thảo			4,58			0,46				2,143	1,365	0,779	
	Huỳnh Thị Thảo			4,89			0,49				12,000	7,286	4,714	
63	Thái Thị Lực			4,65			0,47				8,882	5,543	3,339	
	Thái Thị Lực			4,98			0,50				5,040	2,968	2,072	
64	Bùi Thị Hạnh			4,34	0,20		0,45				8,671	5,412	3,260	
	Bùi Thị Hạnh			4,34	0,15		0,45				4,544	2,676	1,868	
65	Nguyễn Thị Cúc			4,34			0,43				11,583	7,113	4,470	
	Nguyễn Thị Cúc			4,68			0,47				1,184	0,697	0,487	
66	Châu Thị Nhạn			4,34			0,43				9,387	5,820	3,567	
	Châu Thị Nhạn			4,68			0,47				3,552	2,092	1,460	
67	Nguyễn Văn Tươi			4,34	0,25		0,46				13,412	8,207	5,205	
68	Phạm Quốc Tuấn			4,34	0,15		0,45				8,576	5,352	3,224	
	Phạm Quốc Tuấn			4,34			0,43				4,392	2,587	1,805	
69	Đỗ Thị Quỳnh Mai			4,00			0,40				1,872	1,192	0,680	
	Đỗ Thị Quỳnh Mai			4,34			0,43				6,264	3,880	2,384	
	Đỗ Thị Quỳnh Mai			4,34	0,15		0,45				4,544	2,676	1,868	
70	Trương Thị Ánh			4,00			0,40				10,676	6,556	4,120	
	Trương Thị Ánh			4,34			0,43				1,098	0,647	0,451	
71	Nguyễn Thị Oanh			4,00			0,40				4,680	2,980	1,700	
	Nguyễn Thị Oanh			4,34			0,43				7,604	4,527	3,077	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
72	Phạm Thị Cẩm Hiệp			4,00			0,40				10,676	6,556	4,120	
	Phạm Thị Cẩm Hiệp			4,34			0,43				1,098	0,647	0,451	
73	Lê Thị Kim Yến			3,66			0,37				7,917	4,908	3,009	
	Lê Thị Kim Yến			3,99			0,40				3,028	1,784	1,245	
74	Cao Thị Luỹ			3,66			0,37				10,695	6,544	4,150	
74	Nguyễn Thị Kim Trâm			2,67	0,15		0,28				5,386	3,361	2,025	
	Nguyễn Thị Kim Trâm			2,67			0,27				2,702	1,591	1,111	
76	Nguyễn Thị Ánh Tuyết			2,67			0,27				5,100	3,183	1,917	
	Nguyễn Thị Ánh Tuyết			3,00			0,30				3,036	1,788	1,248	
77	Dương Thị Kim Thi			2,67			0,27				7,802	4,774	3,028	
78	Phạm Đức Huy			2,34			0,23				6,837	4,184	2,654	
79	Phạm Thị Ngọc Hoàng			3,34	0,20				0,71		13,523	8,439	5,083	
	Phạm Thị Ngọc Hoàng			3,34					0,67		6,760	3,981	2,779	
80	Nguyễn Thị Cẩm Lưu			3,86					0,77		14,745	9,202	5,543	
	Nguyễn Thị Cẩm Lưu			4,06					0,81		8,217	4,840	3,378	
81	Nguyễn Thị Thanh Diệu			4,00	0,35		0,43				6,107	3,889	2,218	
	Nguyễn Thị Thanh Diệu			4,00	0,25		0,43				2,151	1,267	0,884	T9 chuyển
II	Trường MN Nguyễn Nghiêm	73	72	234,52	3,80		23,83		1,50		718,344	439,562	278,783	
1	Lê Thị Hồng Mến			3,96	0,5		0,45				13,032	7,974	5,058	
2	Trương Thị Diệp			4,58	0,35		0,49				14,405	8,815	5,591	
3	Võ Thị Ánh Nguyệt			4,32	0,35		0,47				13,646	8,350	5,296	
4	Võ Thị Thu Thảo			4,32	0,50		0,48				14,084	8,618	5,466	
5	Lê Thị Bạch Tuyết			4,98	0,35		0,53				15,574	9,530	6,044	
6	Trần Thị Huỳnh Thu			3,65	0,35		0,40				11,688	7,152	4,536	
7	Nguyễn Thị Hoàng Nga			4,65			0,47				13,587	8,314	5,273	
8	Nguyễn Thị Ánh Minh			4,58			0,46				13,383	8,189	5,194	
9	Phạm Thị Kim Loan			4,58			0,46				13,383	8,189	5,194	
10	Nguyễn Thị Thiên Nhân			4,58			0,46				13,383	8,189	5,194	
11	Nguyễn Thị Trí Nhân			4,32			0,43				12,623	7,724	4,899	
12	Phạm Thị Hồng Nguyên			4,32			0,43				12,623	7,724	4,899	
13	Nguyễn Thị Thanh Thúy			4,32	0,15		0,45				13,061	7,992	5,069	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
14	Nguyễn Thị Minh Ngân			4,27			0,43				12,477	7,635	4,842	
15	Trương Thị Ngọc Diệp			4,27			0,43				12,477	7,635	4,842	
16	Huỳnh Thị Trâm Anh			4,27			0,43				12,477	7,635	4,842	
17	Huỳnh Thị Hồng Thắm			4,27			0,43				12,477	7,635	4,842	
18	Trương Thị Xuân Nương			3,99	0,2		0,42				12,243	7,492	4,751	
19	Huỳnh Thị Kim Thoa			3,96			0,40				11,571	7,080	4,491	
20	Nguyễn Thị Xuân Trang			3,96	0,15		0,41				12,009	7,349	4,661	
21	Huỳnh Thị Chín			3,96			0,40				11,571	7,080	4,491	
22	Võ Thị Mỹ Hằng			3,96			0,40				11,571	7,080	4,491	
23	Đỗ Thị Thúy Kiều			3,96			0,40				11,571	7,080	4,491	
24	Võ Thị Lệ Quyên			3,66			0,37				10,695	6,544	4,150	
25	Võ Thị Tường Vi			3,65			0,36				10,665	6,526	4,139	
26	Nguyễn Thị Lựu			3,34	0,20		0,35				10,344	6,330	4,014	
27	Trần Thị Lệ Thi			3,34			0,33				9,759	5,972	3,788	
28	Mai Thị Cẩm Giang			3,33			0,33				9,730	5,954	3,776	
29	Lê Thị Liên			3,33			0,33				9,730	5,954	3,776	
30	Nguyễn Thị Cẩm Viên			3,33	0,15		0,35				10,169	6,222	3,946	
31	Trịnh Thị Tuyết Kiều			3,33			0,33				9,730	5,954	3,776	
32	Lê Thị Kiều Trang			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
33	Huỳnh Thị Thanh Lê			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
34	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
35	Trần Thị Thanh Thúy			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
36	Nguyễn Thị Ngọc Duyên			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
37	Chu Thị An			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
38	Huỳnh Thị Ngọc Ánh			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
39	Đỗ Thị Thu Thủy			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
40	Lê Thị Lệ My			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
41	Võ Thị Thúy Diễm			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
42	Nguyễn Thị Thu Nga			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
43	Võ Thị Ngọc Hằng			2,72	0,15		0,29				8,386	5,132	3,255	
44	Trần Thị Tuyết Trinh			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
45	Lê Ngọc Huyền			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
46	Huỳnh Thị Thu Đông			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
47	Nguyễn Thị Tuyết Nga			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
48	Nguyễn Thị Hồng Ngọc			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
49	Phan Thị Bích Lý			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
50	Đỗ Thị Minh Tú			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
51	Trần Thị Hồng Diễm			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
52	Trần Thị Kiều Diễm			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
53	Nguyễn Thị Mỹ Loan			2,72	0,20		0,29				8,532	5,221	3,311	
54	Hồ Thị Minh Thùy			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
55	Đặng Thị Kim Ngân			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
56	Nguyễn Thị Lệ Thu			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
57	Phạm Thị Thanh Nhân			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
58	Phạm Thị Ánh Tuyết			2,46			0,25				7,188	4,398	2,790	
59	Nguyễn Thị Mãi			2,41			0,24				7,042	4,309	2,733	
60	Ngô Thị Ánh Ngọc			2,41			0,24				7,042	4,309	2,733	
61	Nguyễn Thị Thu Hà			2,41			0,24				7,042	4,309	2,733	
62	Hồ Thị Diễm Phương			2,41			0,24				7,042	4,309	2,733	
63	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh			2,41			0,24				7,042	4,309	2,733	
64	Huỳnh Thị Thanh Nhứt			2,41			0,24				7,042	4,309	2,733	
65	Nguyễn Thị Kiều Linh			2,41			0,24				7,042	4,309	2,733	
66	Phan Thị Thanh Huyền			2,1			0,21				6,136	3,755	2,381	
67	Võ Thị Hòa			2,1			0,21				6,136	3,755	2,381	
68	Nguyễn Thị Mai Trinh			2,1			0,21				6,136	3,755	2,381	
69	Nguyễn Thị Thanh Thủy			2,1			0,21				6,136	3,755	2,381	
70	Lê Thu Hằng			3,66	0,2				0,77		22,558	13,803	8,754	
71	Nguyễn Phan Hải Yến			3,66					0,73		21,389	13,088	8,301	
III	Trường TH Đức Phổ	-	-	254,29	5,30	1,19	23,80	-	4,56	-	382,160	231,949	150,211	
1	Đặng Thị Vi			5,36	0,3		0,57				10,811	6,747	4,064	
				5,36	0,4		0,58				5,829	3,433	2,396	CV T9
2	Võ Thị Thư			3,33	0,25		0,36				1,675	1,067	0,609	
				3,66	0,25		0,39				5,638	3,496	2,143	NL T3
				3,66	0,30		0,40				4,008	2,360	1,647	CV T9
3	Nguyễn Thị Thanh Diệu			4,00	0,3		0,43				4,352	2,563	1,789	
4	Huỳnh Thị Tín			5,02	0,3		0,53				5,384	3,171	2,213	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
5	Tô Thị Được			5,36	0,2		0,56				14,840	9,113	5,727	
				5,70	0,2		0,59				1,493	0,879	0,614	NL T12
6	Phạm Thị Phương Dung			5,36			0,54				15,662	9,584	6,078	
7	Nguyễn Thị Bích Thủy			4,98			0,50				14,552	8,904	5,647	
8	Trần Thị Diễm			4,98		0,249	0,52				1,224	0,779	0,444	
				4,98		0,299	0,53				14,189	8,652	5,537	NL T2
9	Ng. Thị Mỹ Phượng			4,68	0,2		0,49				14,259	8,725	5,534	
10	Nguyễn Thị Nhân			4,98			0,50				14,552	8,904	5,647	
11	Lê Tiến Đạt			4,98			0,50				12,032	7,420	4,611	
				4,98		0,249	0,52				2,646	1,558	1,088	NL T11
12	Phan Thị Thu Hương			4,32			0,43				3,033	1,931	1,102	
				4,65			0,47				10,323	6,236	4,087	NL T4
13	Lý Thị Huyền Linh			3,33	0,20		0,35				6,742	4,208	2,535	
				3,33	0,15		0,35				2,641	1,556	1,086	CV T9
				3,66	0,15		0,38				0,964	0,568	0,396	NL T12
14	Nguyễn Tiến Thanh			3,33			0,33				4,675	2,977	1,698	
				3,66			0,37				5,556	3,272	2,284	NL T7
15	Cao Thị Nhi Hiếu			3,00	0,15		0,32				0,737	0,469	0,268	
				3,33	0,15		0,35				5,832	3,630	2,203	NL T2
				3,33			0,33				3,370	1,985	1,385	CV T9
16	Nguyễn Thị Phương Thủy			2,67			0,27				5,775	3,580	2,195	
				3,00			0,30				2,277	1,341	0,936	NL T10
17	Võ Thị Thu Hằng			2,67			0,27				1,874	1,193	0,681	
				3,00			0,30				6,660	4,023	2,637	NL T4
18	Võ Thị Xuân Lộc			3,00	0,20		0,32				6,112	3,814	2,298	
				3,00	0,15		0,32				3,188	1,877	1,310	CV T9
19	Nguyễn Thị Trúc Nhu			2,67			0,27				7,802	4,774	3,028	
20	Phạm Thị Thu Hoàng			2,34			0,23				5,061	3,138	1,923	
				2,67			0,27				2,027	1,193	0,833	NL T10
21	Nguyễn Văn Siêu			2,67			0,27				7,802	4,774	3,028	
22	Nguyễn Thị Mỹ Lộc			2,34			0,23				6,837	4,184	2,654	
23	Nguyễn Thị Bích Nhi			2,34			0,23				6,837	4,184	2,654	
24	Võ Thị Thanh Triết			2,67			0,27				7,802	4,774	3,028	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
25	Lê Thị Ngọc Trà			2,34			0,23				6,837	4,184	2,654	
26	Trần Thị Thân Thương			4,00			0,40				11,688	7,152	4,536	
27	Trà Ngọc Oanh			5,36			0,54				5,424	3,195	2,230	
28	Phạm Thị Thư Dung			4,89		0,391	0,53				1,336	0,787	0,549	
29	Phạm Thị Kiều Lam			4,98			0,50				5,040	2,968	2,072	
30	Nguyễn Thị Thúy Hằng			4,65	0,15		0,48				4,858	2,861	1,997	
31	Nguyễn Thị Hồng Lý			4,98			0,50				5,040	2,968	2,072	
32	Phạm Thị Lưu			5,02			0,50				5,080	2,992	2,088	
33	Nguyễn Thị Thu			4,68	0,15		0,48				2,444	1,439	1,005	
				5,02	0,15		0,52				2,616	1,541	1,075	NL T11
34	Nguyễn Thị Hoài Vinh			3,33			0,33				3,370	1,985	1,385	
35	Võ Thị Thúy Hằng			3,66			0,37				3,704	2,181	1,523	
36	Cao Thị Thu Hiền			2,67			0,27				2,702	1,591	1,111	
37	Võ Thị Mỹ Lợi			2,67			0,27				0,676	0,398	0,278	
				3,00			0,30				2,277	1,341	0,936	NL T10
38	Huỳnh Thị Phượng			4,34			0,43				4,392	2,587	1,805	
39	Lê Thị Quỳnh Uyên			4,34			0,43				4,392	2,587	1,805	
40	Mai Thị Thu Thủy			4,65	0,2		0,49				4,908	2,891	2,018	
41	Nguyễn Mậu Hoài Thương			2,67			0,27				2,702	1,591	1,111	
42	Đoàn Thị Ái Nữ			2,67			0,27				2,702	1,591	1,111	
43	Nguyễn Thị Xuân Nương			3,34	0,2				0,71		5,374	3,165	2,209	
				3,65	0,2				0,77		1,948	1,147	0,801	NL T12
44	Nguyễn Thị Kim Thi			3,34	0,2				0,71		9,940	6,330	3,611	
				3,34	0,2				0,71		3,582	2,110	1,473	
				3,34					0,67		6,760	3,981	2,779	
45	Nguyễn Thị Lệ Huyền			2,34					0,47		2,190	1,395	0,796	
				2,67					0,53		13,104	7,957	5,148	NL T3
IV	TRƯỜNG MN ĐỨC PHỔ	52	51	217,02	5,45	1,10	20,94	-	2,84	-	489,973	299,936	190,037	
1	Nguyễn Thị Xuân Nương			4,32	0,50		0,48				14,084	8,618	5,466	
2	Huỳnh Thị Mỹ Lệ			4,32	0,35		0,47				13,646	8,350	5,296	
3	Võ Thị Kim Mến			3,99	0,50		0,45				13,120	8,028	5,092	
4	Võ Thị Hồng Duyên			3,65	0,35		0,40				11,688	7,152	4,536	
5	Ngô Thị Diễm Ngân			3,99			0,40				9,640	5,945	3,695	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
5	NGO Thị Diễm Ngân			4,32			0,43				2,186	1,287	0,899	
6	Nguyễn Thị Kiều			3,96	0,20		0,42				12,156	7,438	4,717	
7	Huỳnh T. Thúy Trinh			3,96			0,40				11,571	7,080	4,491	
8	Trần Thị Kim Lan			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
9	Nguyễn Thị Thùy Dương			2,41			0,24				1,692	1,077	0,615	
				2,72			0,27				6,038	3,648	2,391	
10	Huỳnh Thị An			3,34	0,15		0,35				4,900	3,120	1,780	
				3,65	0,20		0,39				5,844	3,442	2,402	
11	Trần Thị Thã			3,34			0,33				9,759	5,972	3,788	
12	Võ Thị Minh Thủy			3,03			0,30				5,787	3,612	2,176	
				3,03	0,15		0,32				3,218	1,895	1,323	
13	Trương Thị Vương			3,03			0,30				8,854	5,418	3,436	
14	Đặng Thị Thọ			2,41			0,24				1,692	1,077	0,615	
				2,72			0,27				6,038	3,648	2,391	
15	Phạm Thế Quyên			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
16	Đoàn Thị Thanh			2,72	0,20		0,29				8,532	5,221	3,311	
17	Phạm Thị Cẩm Loan			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
18	Phạm Thị Ngọc Xuyên			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
19	Võ Thị Thanh Kỳ			2,72	0,15		0,29				4,029	2,566	1,464	
				2,72			0,27				4,129	2,432	1,697	
20	Huỳnh Thị Yến			4,06		0,528	0,46				11,084	6,836	4,248	
				4,06		0,568	0,46				1,171	0,690	0,481	
21	Nguyễn Thị Thủy			4,89			0,49				14,289	8,743	5,545	
22	Nguyễn Tuyết Mai			3,34			0,33				4,689	2,986	1,703	
				3,34	0,20		0,35				1,791	1,055	0,736	
				3,34			0,33				3,380	1,991	1,389	
23	Nguyễn Minh Thư			2,41			0,24				7,042	4,309	2,733	
24	Huỳnh Thị Trúc Ly			2,10			0,21				6,136	3,755	2,381	
25	Huỳnh Thị Ngọc Huyền			2,10			0,21				6,136	3,755	2,381	
26	Nguyễn Thị Trà Giang			2,10			0,21				6,136	3,755	2,381	
27	Nguyễn Thị Diễm			3,34	0,35		0,37				10,782	6,598	4,184	
28	Nguyễn Thị Diệp			2,41	0,35		0,28				1,938	1,234	0,704	
				2,72	0,35		0,31				6,815	4,117	2,699	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
29	Nguyễn Thị Kiều			4,27			0,43				12,477	7,635	4,842	
30	Nguyễn T Bích Thủy			4,27			0,43				12,477	7,635	4,842	
31	Nguyễn Thị Thư			3,96			0,40				11,571	7,080	4,491	
32	Trần Thị Phương Mai			3,34			0,33				1,563	0,995	0,568	
				3,65			0,36				8,957	5,438	3,519	
33	Huỳnh Thị Cảnh			3,34			0,33				9,759	5,972	3,788	
34	Nguyễn Thị Xí			3,03	0,20		0,32				6,169	3,850	2,319	
				3,03			0,30				3,066	1,806	1,260	
35	Trần Thị Lệ Huyền			3,33			0,33				9,730	5,954	3,776	
36	Nguyyễn Thị Mai Sương			2,72			0,27				4,507	2,837	1,670	
37	Nguyễn Thị Ngọc Bích			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
38	Trần Thị Thu Hiền			2,72	0,20		0,29				5,577	3,481	2,097	
				2,72	0,15		0,29				2,904	1,711	1,194	
39	Trần Thị Thuận			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
40	Phan Thị Ngọc Thanh			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
41	Luu Thị Minh Quý			2,72	0,15		0,29				5,482	3,421	2,061	
				2,72			0,27				2,753	1,621	1,132	
42	Trần Thị Đông			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
43	Nguyễn Thị Yến			2,72			0,27				7,948	4,863	3,084	
44	Phan Thị Kim Cúc			2,41	0,15		0,26				4,890	3,052	1,838	
				2,41			0,24				2,439	1,436	1,003	
45	Huỳnh Thị Trà My			2,10			0,21				6,136	3,755	2,381	
46	Võ Thị Bích Loan			2,10			0,21				6,136	3,755	2,381	
47	Lê Thị Ánh Kiều			2,10			0,21				0,491	0,313	0,179	
				2,41			0,24				6,478	3,950	2,528	
48	Đoàn Ng. Thị Cẩm Duyên			2,10			0,21				6,136	3,755	2,381	
49	Hồ Thị Kim Loan			2,41			0,24				7,042	4,309	2,733	
50	Nguyễn Thị Kiều Linh			2,10			0,21				0,491	0,313	0,179	
				2,41			0,24				4,039	2,514	1,526	
51	Nguyễn Thị Thu Hân			3,66					0,73		21,389	13,088	8,301	
52	Lương Thị Như Ngọc			2,41	0,2				0,52		6,107	3,889	2,219	
				2,41					0,48		1,128	0,718	0,410	
				2,41	0,2				0,52		2,641	1,556	1,086	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
				2,72	0,2				0,58		5,910	3,481	2,429	
V	TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM										595,233	361,967	233,266	
1	Võ Thị Thanh Sương			4,74	0,35		0,51				1,191	0,758	0,433	
				5,08	0,35		0,54				6,353	4,045	2,308	
				5,08	0,45		0,55				2,798	1,648	1,150	
				5,08	0,55		0,56				5,698	3,355	2,342	
2	Nguyễn Hữu Hùng			5,02	0,35		0,54				15,691	9,602	6,090	
3	Ng. Mạnh Cung			4,00	0,35		0,43				5,090	3,241	1,849	
				4,34	0,35		0,47				3,471	2,096	1,374	
				4,34	0,45		0,48				4,847	2,855	1,993	
4	Huỳnh Thị Thơ			5,18			0,52				7,277	4,634	2,644	Nghỉ hưu tháng 7/2026
5	Phạm Văn Quang			5,36	0,20		0,56				10,620	6,628	3,992	
				5,36			0,54				5,424	3,195	2,230	
6	Nguyễn Văn Chiêu			5,36	0,15		0,55				10,524	6,568	3,956	
				5,36			0,54				2,712	1,597	1,115	
				5,70			0,57				2,884	1,699	1,186	
7	Nguyễn Tuấn Anh			4,98		0,249	0,52				11,310	7,012	4,298	
				4,98		0,299	0,53				4,007	2,360	1,647	
8	Lê T. Phương Anh			4,68			0,47				8,939	5,579	3,360	
				5,02	0,20		0,52				5,283	3,111	2,172	
9	Ng Thị Hiền Minh			5,02			0,50				9,588	5,984	3,604	
				5,36			0,54				5,424	3,195	2,230	
10	Nguyễn Thị Hiền			5,02			0,50				14,668	8,976	5,693	
11	Võ T. Quỳnh Dao			5,02	0,20		0,52				15,253	9,333	5,919	
12	Ng. Thị Xuân Anh			4,34			0,43				5,078	3,233	1,845	
				4,68			0,47				8,199	4,881	3,318	
13	Lê Thị Xuân Thủy			4,34	0,20		0,45				8,671	5,412	3,260	
				4,34			0,43				4,392	2,587	1,805	
14	Đỗ Thị Bích Tuyền			4,68	0,15		0,48				9,225	5,757	3,468	
				4,68			0,47				4,736	2,789	1,947	
15	Nguyễn Thị Phúc			4,68			0,47				3,285	2,092	1,193	
				5,02			0,50				11,144	6,732	4,413	
16	Võ Thị Trà Giang			4,34	0,20		0,45				5,312	3,382	1,929	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
				4,68	0,20		0,49				8,550	5,090	3,460	
17	Đoàn T. Quý Thùy			4,34			0,43				12,681	7,760	4,922	
18	Hoàng Thị Lam			4,68			0,47				13,675	8,368	5,307	
19	Ng. Thị Xuân Trâm			4,34			0,43				11,583	7,113	4,470	
				4,68			0,47				1,184	0,697	0,487	
20	H. Thị Minh Trinh			3,66			0,37				7,917	4,908	3,009	
				3,99			0,40				3,028	1,784	1,245	
21	Ng. Thị Ánh Hoa			4,00			0,40				9,664	5,960	3,704	
				4,34			0,43				2,196	1,293	0,903	
22	Ng. Thành Phát			4,00			0,40				9,664	5,960	3,704	
				4,34			0,43				2,196	1,293	0,903	
23	Tiêu T. Ánh Tuyết			4,00			0,40				11,688	7,152	4,536	
24	H.T. Ngọc Bích			3,33			0,33				6,360	3,969	2,391	
				3,33	0,15		0,35				0,880	0,519	0,362	
				3,66	0,15		0,38				2,892	1,703	1,189	
25	Đỗ Thị Mỹ			3,33			0,33				3,896	2,481	1,415	
				3,66			0,37				6,412	3,817	2,595	
26	Võ Hoàng Triệu			3,33			0,33				8,888	5,458	3,430	
				3,66			0,37				0,926	0,545	0,381	
27	Trà Thế Luân			3,00			0,30				6,489	4,023	2,466	
				3,33			0,33				2,527	1,489	1,039	
28	Bùi Thị Minh Kiều			3,00			0,30				0,702	0,447	0,255	
				3,33			0,33				8,951	5,458	3,493	
29	Nguyễn Thành Công			2,72			0,27				3,182	2,026	1,156	
				3,03			0,30				2,242	1,354	0,888	
				3,03	0,20		0,32				3,269	1,925	1,344	
30	Ph. T. Minh Ánh			3,00			0,30				8,766	5,364	3,402	
31	Ng. Thị Bích Thu			3,00	0,15		0,32				9,204	5,632	3,572	
32	Nguyễn Thị Trâm			3,00			0,30				5,730	3,576	2,154	
				3,00	0,15		0,32				3,188	1,877	1,310	
33	Ng. Thị Thùy Quyên			2,67			0,27				7,802	4,774	3,028	
34	Huỳnh T. Minh Tiên			2,67			0,27				7,802	4,774	3,028	
35	Dương T. Thủy Kiều			2,34			0,23				2,190	1,395	0,796	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
				2,67			0,27				5,303	3,183	2,120	
36	Lương Sơn Tới			2,34			0,23				2,190	1,395	0,796	
				2,67			0,27				5,303	3,183	2,120	
37	Phạm Thị Tân			2,67			0,27				7,802	4,774	3,028	
38	Phạm Hồng Kỳ Châu			2,34			0,23				6,837	4,184	2,654	
39	Ng. Thị Kiều Oanh			2,34			0,23				6,837	4,184	2,654	
40	Ng. Thị Yến Trâm			2,34			0,23				6,837	4,184	2,654	
41	Lê Thị Thanh Thúy			3,66	0,20				0,77		14,745	9,202	5,543	
				3,99	0,20				0,84		8,481	4,994	3,486	
42	Phạm Thị Tố Linh			2,66					0,53		15,545	9,512	6,033	
43	Huỳnh Ngọc Tuấn			3,66	0,45		0,41				4,159	2,450	1,710	
44	Trương Thị Thu Hằng			4,89			0,49				4,949	2,914	2,034	
45	Nguyễn Thị Đạt			4,98	0,15		0,51				5,192	3,057	2,134	
46	Thạch Hoàng Dung			4,98			0,50				5,040	2,968	2,072	
47	Võ Thị Phương Trang			5,02			0,50				5,080	2,992	2,088	
48	Trần Thị Kiều Oanh			4,32			0,43				4,372	2,575	1,797	
49	Tô Văn Lương			4,65			0,47				4,706	2,771	1,934	
50	Trần Thị Yến Ly			4,32			0,43				4,372	2,575	1,797	
51	Nguyễn Thị Yến Ly			4,34	0,15		0,45				4,544	2,676	1,868	
52	Đặng Thị Mỹ Diễm			4,32			0,43				4,372	2,575	1,797	
53	Nguyễn Thị Ánh			3,99			0,40				4,038	2,378	1,660	
54	Phan Thị Mùa			4,00			0,40				2,024	1,192	0,832	
				4,34			0,43				2,196	1,293	0,903	
55	Ng. Thị Minh Hường			4,34			0,43				4,392	2,587	1,805	
56	Huỳnh Thị Minh Thư			4,00	0,35		0,43				2,201	1,296	0,905	
				4,34	0,35		0,47				2,373	1,398	0,976	
57	Nguyễn Đức Thông			4,32			0,43				4,372	2,575	1,797	
58	Võ Ngọc Quê			3,66			0,37				0,926	0,545	0,381	
				3,99			0,40				3,028	1,784	1,245	
59	Nguyễn Thị Minh Thư			3,66			0,37				0,926	0,545	0,381	
				3,99			0,40				3,028	1,784	1,245	
60	Trần Văn Thúc			3,66			0,37				3,704	2,181	1,523	
61	Ng.T Ngọc Diễm Hằng			3,00			0,30				3,036	1,788	1,248	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
62	Nguyễn Thị Tho			2,67			0,27				2,702	1,591	1,111	
63	Võ Thị Quý Lộc			2,67			0,27				2,702	1,591	1,111	
64	Nguyễn Thị Mỹ Diễm			2,34			0,23				2,368	1,395	0,973	
65	Lê Tuấn Vĩ			2,34			0,23				2,368	1,395	0,973	
66	Huỳnh Thị Hoài Nhân			3,34					0,67		6,760	3,981	2,779	
VI	TH NGUYỄN NGHIÊM			655,21	8,80	2,66	63,91	0,00	5,52	0,00	1.205,294	739,911	465,383	0
1	Nguyễn Ngọc Tuấn			4,68	0,4		0,508				14,844	9,083	5,761	
2	Huỳnh Thị Tín			5,02	0,3		0,532				10,161	6,341	3,820	
3	Trà Thị Kim Cúc			5,02	0,3		0,532				2,692	1,585	1,107	
				5,02	0,4		0,542				5,485	3,230	2,255	
4	Võ Thị Quý			5,13	0,2		0,533				15,574	9,530	6,044	HS CL bảo lưu: 0.15
5	Lê Trần Diễm Quỳnh			5,02			0,502				1,175	0,748	0,427	
				5,36			0,536				14,408	8,785	5,623	
6	Lê Trần Diễm Quyên			5,02			0,502				3,524	2,244	1,280	
				5,36			0,536				11,899	7,188	4,711	
7	Hoàng Thị Kiều Nga			5,02			0,502				5,873	3,740	2,133	
				5,36			0,536				9,391	5,590	3,800	
8	Trần Thị Mai Hiền			5,36			0,536				15,662	9,584	6,078	
9	Lê Thị Nương			4,98		0,2988	0,528				14,089	8,652	5,437	
				4,98		0,3486	0,533				1,348	0,794	0,554	
10	Lâm Thị Kim Chính			5,02			0,502				14,668	8,976	5,693	
11	Huỳnh Thị Cẩm Dung			4,98			0,498				14,552	8,904	5,647	
12	Huỳnh Thị Hiền			4,98			0,498				12,032	7,420	4,611	
				5,02			0,502				2,540	1,496	1,044	
13	Cao Thị Ngọc Lân			4,68			0,468				3,285	2,092	1,193	
				5,02			0,502				11,144	6,732	4,413	
14	Nguyễn Diễm Ái Quý			4,65			0,465				11,234	6,929	4,306	
				4,98			0,498				2,520	1,484	1,036	
15	Phạm Thị Ngọc Huệ			4,68			0,468				5,476	3,487	1,989	
				5,02			0,502				8,795	5,236	3,559	
16	Lê Thị Phương Hiếu			4,68			0,468				1,095	0,697	0,398	
				5,02			0,502				13,494	8,228	5,266	
17	Lê Thị Minh Huệ			4,68	0,2		0,488				14,259	8,725	5,534	
18	Hoàng Thị Thanh Thư			4,34			0,434				6,093	3,880	2,213	
				4,68			0,468				7,104	4,184	2,920	
19	Nguyễn Thị Thanh Nga			4,34			0,434				6,093	3,880	2,213	
				4,68			0,468				7,104	4,184	2,920	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
20	Đặng Thị Kiều			4,68			0,468				13,675	8,368	5,307	
21	Đỗ Thị Nguyệt Nga			4,65			0,465				13,587	8,314	5,273	
22	Nguyễn Thị Anh Triết			4,34			0,434				12,681	7,760	4,922	
23	Trần Thị Ái Ly			4,00			0,400				11,688	7,152	4,536	
24	Trịnh Thị Hoàng Duyên			4,00	0,15		0,415				10,026	6,184	3,843	
				4,34	0,15		0,449				2,272	1,338	0,934	
25	Nguyễn Thị Yến Hải			3,66			0,366				7,917	4,908	3,009	
				3,99			0,399				3,028	1,784	1,245	
26	Phạm Thị Phương Anh			4,00	0,2		0,420				10,147	6,258	3,889	
				4,34	0,2		0,454				2,297	1,353	0,944	
27	Nguyễn Thị Lệ Vi			3,33			0,333				8,888	5,458	3,430	
				3,66			0,366				0,926	0,545	0,381	
28	Lê Thị Ngân			3,33	0,15		0,348				1,629	1,037	0,592	
				3,66	0,15		0,381				9,350	5,677	3,673	
29	Nguyễn Thị Sương			3,33			0,333				3,896	2,481	1,415	
				3,66			0,366				6,412	3,817	2,595	
30	Ngô Đình Ánh Trúc			3,33			0,333				9,730	5,954	3,776	
31	Nguyễn Thị Mỹ Ngân			2,67			0,267				1,874	1,193	0,681	
				3,00			0,300				6,660	4,023	2,637	
32	Võ Ngọc Diệu Quỳnh			2,67			0,267				7,802	4,774	3,028	
33	Huỳnh Thị Liễu			2,67			0,267				7,802	4,774	3,028	
34	Võ Duy Khánh			3,33			0,333				9,730	5,954	3,776	
35	Huỳnh Thị Minh Thu			3,00			0,300				8,766	5,364	3,402	
36	Mai Thị Minh Thu			2,67			0,267				5,775	3,580	2,195	
				3,00			0,300				2,277	1,341	0,936	
37	Thái Văn Thịnh			2,67			0,267				7,802	4,774	3,028	
38	Nguyễn Thị Sao Mai			2,34			0,234				3,285	2,092	1,193	
				2,67			0,267				4,053	2,387	1,666	
39	Nguyễn Duy Đan			2,34	0,15		0,249				1,748	1,113	0,635	
				2,67	0,15		0,282				6,260	3,782	2,479	
40	Nguyễn Minh Phương			2,67			0,267				7,802	4,774	3,028	
41	Nguyễn Thị Kim Phát			2,34			0,234				5,061	3,138	1,923	
				2,67			0,267				2,027	1,193	0,833	
42	Nguyễn Thị Ái Quyên			2,34			0,234				2,190	1,395	0,796	
				2,67			0,267				5,303	3,183	2,120	
43	Đinh Chánh Tín			2,67			0,267				7,802	4,774	3,028	
44	Nguyễn Tấn Đoàn			2,34			0,234				6,837	4,184	2,654	
45	Nguyễn Thị Ngọc Đức			4,89		0,2445	0,513				3,604	2,295	1,309	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
45				4,89		0,2934	0,518				7,573	4,634	2,939	
46	Trần Thị Vân Khánh			4,65			0,465				2,176	1,386	0,791	
				4,98			0,498				12,221	7,420	4,801	
47	Nguyễn Thị Xuân Tình			4,68	0,2		0,488				6,852	4,363	2,489	
				4,68			0,468				7,104	4,184	2,920	
48	Nguyễn Văn Tươi			4,58			0,458				13,383	8,189	5,194	
49	Võ Thị Ý			3,33	0,15		0,348				4,886	3,111	1,775	
				3,33			0,333				4,212	2,481	1,732	
				3,66			0,366				0,926	0,545	0,381	
50	Đoàn Thị Ái Nữ			2,34			0,234				1,643	1,046	0,597	
				2,67			0,267				3,225	1,989	1,236	
51	Huỳnh Thị Thanh Nhàng			2,67			0,267				7,802	4,774	3,028	
52	Huỳnh Quang Lý			3,33			0,333				8,888	5,458	3,430	
				3,66			0,366				0,926	0,545	0,381	
53	Ngô Duy Lộc			2,67			0,267				1,874	1,193	0,681	
				3,00			0,300				6,660	4,023	2,637	
54	Thiều Thị Thanh Vy			2,34			0,234				6,837	4,184	2,654	
55	Trần Thị Cẩm Giang			1,989			0,199				0,931	0,593	0,338	
				2,34			0,234				5,742	3,487	2,256	
56	Nguyễn Thành Nhất Thế			2,34			0,234				6,837	4,184	2,654	
57	Phạm Thị Lệ Thu			5,02	0,35		0,537				2,513	1,600	0,913	
				5,36	0,35		0,571				5,345	3,403	1,941	
				5,36	0,45		0,581				2,940	1,731	1,208	
58	Trương Thị Thu Hằng			4,89			0,489				9,340	5,829	3,511	
59	Nguyễn Thị Đạt			4,98	0,20		0,518				9,894	6,175	3,719	
60	Thạch Hoàng Dung			4,98			0,498				9,512	5,936	3,576	
61	Võ Thị Phương Trang			5,02			0,502				9,588	5,984	3,604	
62	Trần Thị Kiều Oanh			4,32			0,432				8,251	5,149	3,102	
63	Tô Văn Lương			4,65			0,465				8,882	5,543	3,339	
64	Trần Thị Yên Ly			4,32			0,432				8,251	5,149	3,102	
65	Nguyễn Thị Yên Ly			4,34	0,20		0,454				8,671	5,412	3,260	
66	Đặng Thị Mỹ Diễm			4,32			0,432				8,251	5,149	3,102	
67	Nguyễn Thị Anh			3,99			0,399				7,621	4,756	2,865	
68	Phan Thị Mùa			4,00	0,15		0,415				7,927	4,947	2,980	
69	Nguyễn Thị Minh Hường			4,00			0,400				3,744	2,384	1,360	
				4,34			0,434				4,227	2,587	1,641	
70	Huỳnh Thị Minh Thu			4,00	0,25		0,425				8,118	5,066	3,052	
71	Nguyễn Đức Thông			3,99			0,399				3,735	2,378	1,357	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
71				4,32			0,432				4,208	2,575	1,633	
72	Võ Ngọc Quê			3,66			0,366				6,991	4,363	2,628	
73	Nguyễn Thị Minh Thư			3,66			0,366				6,991	4,363	2,628	
74	Trần Văn Thúc			3,66			0,366				6,991	4,363	2,628	
75	Nguyễn Thị Ngọc Diễm Hằng			3,00			0,300				5,730	3,576	2,154	
76	Nguyễn Thị Tho			2,67			0,267				5,100	3,183	1,917	
77	Võ Thị Quý Lộc			2,67			0,267				5,100	3,183	1,917	
78	Nguyễn Thị Mỹ Diễm			2,34			0,234				4,469	2,789	1,680	
79	Lê Tuấn Vĩ			2,34			0,234				4,469	2,789	1,680	
80	Nguyễn Tiến Dũng			5,36	0,30		0,566				7,947	5,060	2,887	
				5,36	0,35		0,571				2,889	1,702	1,188	
81	Hoàng Thị Kim Lam			4,68	0,25		0,493				6,922	4,407	2,514	
				4,68	0,35		0,503				2,545	1,499	1,046	
				4,68	0,40		0,508				5,141	3,028	2,113	
82	Nguyễn Thị Lam			4,89		0,3912	0,528				6,179	3,934	2,245	
				4,89		0,4401	0,533				3,944	2,383	1,562	
83	Bùi Thị Hoan			5,36			0,536				15,662	9,584	6,078	
84	Huỳnh Thị Hồng Diễm			4,98			0,498				14,552	8,904	5,647	
85	Nguyễn Thị Thuý Hằng			5,02	0,20		0,522				9,970	6,222	3,748	
				5,36			0,536				5,424	3,195	2,230	
86	Nguyễn Thị Như Hoa			4,98		0,2988	0,528				12,754	7,865	4,888	
				4,98		0,3486	0,533				2,696	1,588	1,108	
87	Ngô Thị Cẩm Thiên			4,98			0,498				14,552	8,904	5,647	
88	Huỳnh Thị Thu Thảo			4,68	0,20		0,488				14,259	8,725	5,534	
				5,02	0,20		0,522				12,810	7,778	5,032	
89	Nguyễn Thị Dung			4,32			0,432				3,033	1,931	1,102	
				4,65			0,465				10,323	6,236	4,087	
90	Nguyễn Thị Kim Hạnh			4,68			0,468				13,675	8,368	5,307	
91	Nguyễn Thị Hạnh			4,65			0,465				13,587	8,314	5,273	
92	Nguyễn Thị Ái			4,65	0,20		0,485				14,172	8,672	5,500	
93	Lê Thị Quỳnh Như			4,68			0,468				13,675	8,368	5,307	
94	Nguyễn Thị Mỹ Trinh			3,33			0,333				8,888	5,458	3,430	
				3,66			0,366				0,926	0,545	0,381	
95	Trần Thị Ngọc Trâm			3,66	0,15		0,381				8,241	5,109	3,132	
				3,99			0,399				3,028	1,784	1,245	
96	Nguyễn Thị Thanh Nhàn			3,66			0,366				7,917	4,908	3,009	
				3,99			0,399				3,028	1,784	1,245	
97	Trần Thị Thi Ca			3,66	0,20		0,386				8,349	5,176	3,173	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đc giao	Biên chế có mặt	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số TNVK	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi giữa ND 182 và ND 244				Tổng cộng	Mức lương 1,490	Mức CCTL 1,04	Ghi chú
							Chênh lệch 10%	Chênh lệch 15%	Chênh lệch 20%	Chênh lệch khác				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=(3+4+5)*10\%$	$7=(3+4+5)*15\%$	$8=(3+4+5)*20\%$	$9=(3+4+5)*...0\%$	$10=11+12$	$11=(6+7+8+9)*1,49*12$	$12=(6+7+8+9)*0,85*12+(6+7+8+9)*0,19*6$	<i>13</i>
97				3,99			0,399				3,028	1,784	1,245	
98	Nguyễn Thị Thanh Nhân			3,33			0,333				8,888	5,458	3,430	
				3,66			0,366				0,926	0,545	0,381	
99	Mai Thị Tạo			2,67			0,267				5,775	3,580	2,195	
				3,00			0,300				2,277	1,341	0,936	
100	Lê Quốc Hiền			2,67			0,267				7,802	4,774	3,028	
101	Trần Việt Hùng			2,34			0,234				1,643	1,046	0,597	
				2,67			0,267				5,927	3,580	2,347	
102	Phạm Thụy Mỹ Tuyền			2,34			0,234				1,643	1,046	0,597	
				2,67			0,267				5,927	3,580	2,347	
103	Nguyễn Thị Hoài Linh			2,34			0,234				5,653	3,487	2,167	
				2,67			0,267				1,351	0,796	0,555	
104	Huỳnh Thị Hồng Diệp			2,34			0,234				6,837	4,184	2,654	
105	Quảng Quốc Cường			2,34			0,234				6,837	4,184	2,654	
106	Nguyễn Thị Lệ Thủy			3,65					0,730		21,331	13,052	8,278	
107	Đoàn Thị Thảo			3,66	0,2				0,772		22,558	13,803	8,754	
108	Nguyễn Thị Thanh Hường			3,26					0,652		4,577	2,914	1,663	
				3,46					0,692		15,362	9,280	6,083	
109	Phan Thị Diệp			3,26					0,652		19,051	11,658	7,394	
110	Huỳnh Thị Hoài Nhân			3,03	0,20				0,646		3,023	1,925	1,098	
				3,34	0,20				0,708		6,627	4,220	2,407	
				3,34					0,668		3,380	1,991	1,389	

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /10/2026 của UBND phường Đức Phổ)

DVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	Hệ số lương	Chức vụ	Phụ cấp TNVK	Phụ cấp ưu đãi nghề				Chênh lệch phụ cấp ưu đãi nghề	Tổng nhu cầu kinh phí	Trong đó		Ghi chú
					Tỷ lệ theo quy định tại Nghị định số 56/2011/NĐ-CP	Hệ số	Tỷ lệ theo quy định tại Nghị định 350/2026	Hệ số			Mức lương 1.490.000 đ	CCTL	
A	B	I	2	3	4	$5=4*(1+2+3)$	6	$7=6*(1+2+3)$	$8=7-5$	$9=10+11$	$10=8*1,49*12$ tháng	$11=(8*0,85)*12$ tháng+ $(8*0,19)*6$ tháng	
	TỔNG CỘNG									1.327,273	812,360	514,913	
I	Trường TH Nguyễn Nghiêm	4,72	0	0	0	0,00		2,39	2,39	39,823	24,585	15,238	
1	Nguyễn Thị Ánh Thu	2,26				0,00	30%	0,68	0,68	4,760	3,031	1,729	
		2,46				0,00	30%	0,74	0,74	16,384	9,897	6,487	
2	Nguyễn Thị Thanh Bình	3,26				0,00	30%	0,98	0,98	18,680	11,658	7,022	
II	Trường TH Đức Phổ									19,671	12,033	7,638	
1	Lê Thị Lý	2,06				0,00	30%	0,62	0,62	1,446	0,921	0,525	
	Lê Thị Lý	2,26				0,00	30%	0,68	0,68	18,225	11,112	7,112	
III	Trường THCS Đức Phổ									24,369	14,894	9,475	
1	Nguyễn Thị Sương	2,66				0,00	30%	0,80	0,80	9,337	5,945	3,392	
	Nguyễn Thị Sương	2,86				0,00	30%	0,86	0,86	15,032	8,949	6,083	
IV	Trường MN Nguyễn Nghiêm									26,824	16,414	10,410	
1	Võ Thị Kim Tụ	3,06				0,00	30%	0,92	0,92	26,824	16,414	10,410	
V	Trường THCS Nguyễn Nghiêm									21,284	13,017	8,267	
1	Đào T. Vương Thảo	2,26			0%	0,00	30%	0,68	0,68	3,173	2,020	1,153	
		2,46			0%	0,00	30%	0,74	0,74	18,111	10,996	7,114	
VI	TYT phường Đức Phổ	141,82	2,60	0,00	13,80	54,33	24,30	95,24	40,91	1.195,303	731,417	463,885	
1	Võ Văn Thuận	5,42	0,70		40%	2,45	70%	4,28	1,84	53,648	32,828	20,820	
2	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	3,65			40%	1,46	70%	2,55	1,09	31,996	19,579	12,417	
3	Lê Thụy Nhuận	3,66			20%	0,73	30%	1,10	0,37	10,695	6,544	4,150	
4	Võ Trung Quyền	3,33			20%	0,67	30%	1,00	0,33	9,730	5,954	3,776	

TT	Họ và tên	Hệ số lương	Chức vụ	Phụ cấp TNVK	Phụ cấp ưu đãi nghề				Chênh lệch phụ cấp ưu đãi nghề	Tổng nhu cầu kinh phí	Trong đó		Ghi chú
					Tỷ lệ theo quy định tại Nghị định số 56/2011/NĐ-CP	Hệ số	Tỷ lệ theo quy định tại Nghị định 350/2026	Hệ số			Mức lương 1.490.000 đ	CCTL	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	$5=4*(1+2+3)$	<i>6</i>	$7=6*(1+2+3)$	$8=7-5$	$9=10+11$	$10=8*1,49*12$ tháng	$11=(8*0,85)*12$ tháng+ $(8*0,19)*6$ tháng	
5	Nguyễn Thị Ánh Thúy	3,99			20%	0,80	30%	1,20	0,40	11,659	7,134	4,525	
6	Nguyễn Tâm Bình	2,67	0,30		40%	1,19	70%	2,08	0,89	26,035	15,931	10,104	
7	Võ Văn Nguyên	3,66			40%	1,46	70%	2,56	1,10	32,084	19,632	12,451	
8	Huỳnh Quang Lê Bộ	4,98	0,30		40%	2,11	70%	3,70	1,58	46,284	28,322	17,963	
9	Phạm Minh Thu	4,65			40%	1,86	70%	3,25	1,39	40,762	24,943	15,819	
10	Nguyễn Thị Hồng	3,33	0,40		40%	1,49	70%	2,61	1,12	32,697	20,008	12,689	
11	Lê Thị Thanh Uyên	3,33			40%	1,33	70%	2,33	1,00	29,191	17,862	11,329	
12	Đặng Nguyễn Bích Lâm	3,03			30%	0,91	70%	2,12	1,21	35,415	21,671	13,744	
13	Nguyễn Văn Tiểu	4,65	0,30		40%	1,98	70%	3,46	1,48	43,392	26,552	16,840	
14	Lê Thị Cẩm Tú	4,27			40%	1,71	70%	2,99	1,28	37,431	22,904	14,527	
15	Huỳnh Thị Kim Liên	3,65			40%	1,46	70%	2,55	1,09	31,996	19,579	12,417	
16	Cao Thị Phương Thảo	2,41			40%	0,96	70%	1,69	0,72	21,126	12,927	8,199	
17	Phùng Thị Thanh Thúy	3,65			40%	1,46	70%	2,55	1,09	31,996	19,579	12,417	
18	Đỗ Thị Thảo Nguyên	3,66			40%	1,46	70%	2,56	1,10	32,084	19,632	12,451	
19	Nguyễn Nhờ	4,98			40%	1,99	70%	3,49	1,49	43,655	26,713	16,942	
20	Nguyễn Thị Kim Oanh	4,27			40%	1,71	70%	2,99	1,28	37,431	22,904	14,527	
21	Nguyễn Thị Phương	3,65			40%	1,46	70%	2,55	1,09	31,996	19,579	12,417	
22	Nguyễn Thị Thu Thủy	3,66	0,20		40%	1,54	70%	2,70	1,16	33,837	20,705	13,132	
23	Trịnh Thị Ngọc Hoa	3,65			40%	1,46	70%	2,55	1,09	31,996	19,579	12,417	
24	Lê Thị Minh Tâm	4,06			40%	1,62	70%	2,84	1,22	35,590	21,778	13,812	
25	Nguyễn Thị Tuyết Mai	3,66			40%	1,46	70%	2,56	1,10	32,084	19,632	12,451	
26	Hoàng Thị Cẩm	3,65			40%	1,46	70%	2,55	1,09	31,996	19,579	12,417	
27	Cao Thị Xuân Trang	3,65			40%	1,46	70%	2,55	1,09	31,996	19,579	12,417	
28	Phạm Thị Thảo	4,06	0,20		40%	1,70	70%	2,98	1,28	37,343	22,851	14,493	
29	Nguyễn Ánh Duy	3,66			40%	1,46	70%	2,56	1,10	32,084	19,632	12,451	
30	Nguyễn Thị Liễu	4,27			40%	1,71	70%	2,99	1,28	37,431	22,904	14,527	
31	Từ Thị Thúy	3,65			40%	1,46	70%	2,55	1,09	31,996	19,579	12,417	
32	Nguyễn Thiệt	4,98	0,20		40%	2,07	70%	3,63	1,55	45,408	27,786	17,622	
33	Đỗ Thị Thanh Tiên	3,65			40%	1,46	70%	2,55	1,09	31,996	19,579	12,417	

TT	Họ và tên	Hệ số lương	Chức vụ	Phụ cấp TNVK	Phụ cấp ưu đãi nghề				Chênh lệch phụ cấp ưu đãi nghề	Tổng nhu cầu kinh phí	Trong đó		Ghi chú
					Tỷ lệ theo quy định tại Nghị định số 56/2011/NĐ-CP	Hệ số	Tỷ lệ theo quy định tại Nghị định 350/2026	Hệ số			Mức lương 1.490.000 đ	CCTL	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	$5=4*(1+2+3)$	<i>6</i>	$7=6*(1+2+3)$	$8=7-5$	$9=10+11$	$10=8*1,49*12$ tháng	$11=(8*0,85)*12$ tháng+ $(8*0,19)*6$ tháng	
34	Nguyễn Hữu Thiện	4,65			40%	1,86	70%	3,25	1,39	40,762	24,943	15,819	
35	Huỳnh Thị Ngọc Thuyền	3,96			40%	1,58	70%	2,77	1,19	34,713	21,241	13,472	
36	Nguyễn Thị Ngọc Kiểm	2,06			30%	0,62	70%	1,44	0,82	24,077	14,733	9,344	
37	Lại Thị Hồng Linh	3,66			20%	0,73	30%	1,10	0,37	10,695	6,544	4,150	